

Đề bài

Phân tích thiên
truyện ngắn

Vợ nhặt

của nhà văn Kim Sơn để
làm rõ cảm hứng chủ đạo
của nhà văn khi viết thiên
truyện ngắn này: Những
người đói nhưng họ không
nghĩ đến cái chết mà nghĩ
đến sự sống.

Bài làm

Có những tác phẩm làm nên tác giả, đó là một cách nói về những nhà văn mà chỉ cần một tác phẩm của mình cũng đủ để người đọc thấu phục với cái tâm, cái tài của họ. Nhà văn Kim Lân là một nhà văn như thế. Người ta vẫn thường nói tới ông như một minh chứng cho chân lý *Quý hồ tinh bất quý hồ đa* trong nghệ thuật. Với thiên truyện ngắn *Vợ nhặt*, ông ghi dấu ấn tên tuổi của mình trong lòng độc giả bằng tư tưởng nhân đạo sâu sắc và bút pháp nghệ thuật truyện ngắn hết sức tài tình. Cao cả hơn, từ thiên truyện ngắn đã cất lên một triết lý nhân sinh: *Những người đói nhưng họ không nghĩ đến cái chết mà nghĩ đến sự sống*.

Chúng ta hãy thử hình dung khung cảnh mà thiên truyện ngắn dựng lên: bối cảnh của nạn đói khủng khiếp nhất trong lịch sử nước nhà, năm Ất Dậu 1945. Một phần mười dân số Việt Nam đã chết vì đói. Những người sống *nằm ngổn ngang khắp lều chợ* ngay gần cạnh những *cái thây nằm còng queo bên đường* tạo ra ấn tượng rờn rợn về cuộc sống mấp mé bên bờ cái chết, một cõi dương lớn vờn hơi hướng của cõi âm. Đói nghĩa là có thể sẽ chết! Đó là sự thực đau xót và phũ phàng mà dân tộc Việt Nam phải chấp nhận trong dòng chảy lịch sử của mình. Nhưng tư tưởng chủ đạo của nhà văn Kim Lân ở đây không để chỉ về nạn đói và cái chết mà là cái đói của những người đang cố sống, sống cho ra một con người! Nhà văn thật sâu sắc khi nói lên triết lý: *Những người đói nhưng họ không nghĩ đến cái chết mà nghĩ đến sự sống* từ thiên truyện ngắn của mình.

Có nhiều cách để người ta khắc họa một con người, nhưng tiêu biểu nhất vẫn là đặt họ vào những tình huống éo le phức tạp để họ tự bộc lộ nhân cách của mình. *Cái đói* cũng là một tình huống đòi hỏi con người đối diện với sự cùng cực của bản thân, hoặc là chấp nhận cái đói, cái chết khổ đau; hoặc là sẽ vươn lên quyết tâm tìm sự sống, tìm lối thoát cho mình. Và nhân vật của truyện ngắn *Vợ nhặt* đã tìm được con đường đi tới sự sống bằng chính niềm tin, tình yêu thương đùm bọc lẫn nhau. *Nghĩ đến sự sống* không chỉ là nghĩ đến sự tồn tại vật chất thông thường của mỗi con người, mà là sự tồn tại chứa đựng đầy đủ những cung bậc của thế giới tâm hồn: được yêu, được ghét được khát khao một hạnh phúc đơn sơ... Chính những giá trị tinh thần ấy là cái mà con người vươn tới, nó biến những hình hài vật vờ méo mó trở thành những con người sống động. Nói cách khác, tư tưởng trên của nhà văn Kim Lân đã nói lên được triết lý lạc quan sâu sắc của con người trong cuộc sống cùng khổ: niềm tin, hi vọng, khát khao hạnh phúc chính là sự sống bất diệt của con người! Đến với thiên truyện ngắn *Vợ nhặt* ta càng thấm thía sâu sắc hơn ý nghĩa nhân bản – nhân văn cao đẹp đó.

Nhà văn đã thông qua tuyến hình tượng các nhân vật của mình, qua bối cảnh của tác phẩm để nói lên tư tưởng của mình. Có thể nói, đây chính là nguồn mạch xuyên suốt của toàn bộ tác phẩm.

Tràng, nhân vật chính của *Vợ nhặt* được Kim Lân khắc họa trong cái nhập nhoạng của buổi chiều tà khi *mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người* bốc lên bủa vây không khí đặc quánh. Một con người hoang sơ ngật ngưỡng bước đi trong ánh chiều tàn của một cuộc sống không ra cuộc sống. Cùng với cái kiêu *ngửa mặt lên trời và cười hèn hếch, cái đầu trọc nhẵn, cái lưng to rộng như lưng gấu...* Tràng, qua cách tả của Kim Lân như là hiện thân của phần hoang dã trong con người, nó chứa đựng cái gì méo mó, dị dạng của con người trong thời đói khát đó. Vậy mà trong chính sự méo mó của Tràng lại bật lên những khát vọng sống rất *con người*. Tràng nghĩ *đến cái sống* ở chỗ anh không chỉ tìm cách kiếm ăn qua những ngày đói mà quan trọng là dám tin và xây dựng tổ ấm gia đình, xây dựng hạnh phúc lứa đôi.

Ý tưởng này của tác giả được truyền tải một cách tự nhiên tinh tế thông qua sự kiện Tràng có vợ: *Giữa cái cảnh tối sầm lại vì đói khát ấy, một buổi chiều người trong xóm bỗng thấy Tràng về với một người đàn bà nữa.* Tràng có vợ. Người như Tràng mà có vợ. Một cuộc đời đang bị đẩy sát tới ranh giới giữa tồn tại và không tồn tại, giữa sống và chết mà lại *nhật* được vợ, *nhật* được hạnh phúc cả đời của mình. Đặt nhân vật vào một khoảng sống mờ tối, lắt lay, nhà văn đã tìm được một tình huống để bộc lộ sự bất diệt của nỗi khát thèm được sống, được thương yêu và hi vọng. Khi *nhật* vợ về, Tràng không phải là không biết chọn: *thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bồng.* Nhưng rồi anh ta chặc lưỡi: *chặc, kệ!* Một quyết định có vẻ tầm phơ đối với một sự việc trọng đại bậc nhất của đời người. Nhưng cũng có thể hiểu khi chặc lưỡi như vậy là Tràng đã đánh cuộc cùng cái đói, để được sống đầy đủ cuộc sống bình thường như mọi con người. Điều đó cũng có nghĩa là khát vọng làm người đã xui khiến Tràng liều lĩnh, đẩy lùi những lo sợ đói khát thường ngày để vươn tới hạnh phúc.

Và Tràng đã được đền bù, được hạnh phúc và cảm nhận niềm vui khi cuộc sống tối tăm của mình đổi thay, tươi mới: *Trong một lúc, Tràng hình như quên hết những cảnh sống ê chề, tăm tối hàng ngày, quên cả cái đói khát ghê gớm đang đe dọa, quên cả những tháng ngày trước mặt. Trong lòng hắn bây giờ chỉ còn tình nghĩa giữa hắn với người đàn bà đi bên. Một cái gì mới mẻ, lạ lẫm, chưa từng thấy ở người đàn ông nghèo khổ ấy, nó ôm ấp, mơn man khắp da thịt Tràng, tựa hồ như có bàn tay vuốt nhẹ trên sống lưng.* Những câu văn thiết tha nhường ấy được nhà văn viết ra nhằm để gieo vào lòng người đọc cảm xúc: khác với biết bao sự bi quan thường nghĩ, sự đói khát không làm giảm giá trị của tình người. Bao giờ cái hạnh phúc được thương yêu cũng quý hơn tất cả, ngay cả khi người ta tưởng như không còn cần gì hơn là một miếng cơm ăn. Chi tiết Tràng khoe chai dầu con trong tay cũng thế. Nó không chỉ là một sự việc buồn cười, mà bên dưới đó là một tiếng thở dài thương cảm cho những kiếp người mà

cuộc đời cùng khốn đến mức việc mua có hai hào dầu cũng đã là một cái gì hoang phí lắm. Nhưng dầu sao thì Tràng cũng đã có cái hạnh diện mà trước kia anh ta chưa từng có, cái hạnh diện được làm một người chồng, được có một tối tân hôn, được tiêu hoang một chút cho đời mình có lấy một lần sáng sửa. *Hai hào đấy, đắt quá, cơ mà thôi chả cần.* Lời nói nghe tội nghiệp. Nhưng cũng nên đọc lấy trong lời nói tội nghiệp ấy một niềm vui không phải tâm thương, bởi trong cái hoàn cảnh của Tràng lúc ấy, được coi thường đồng tiền vì một điều gì đó lớn hơn, trong trèo quý báu hơn đâu có thể cho là một niềm vui hạ cấp?

Nghĩ đến cái sống ở Tràng còn là tinh thần trách nhiệm đối với gia đình, nghĩ đến tương lai trong niềm hi vọng tốt đẹp. Lần đầu tiên Tràng được sống trong một cảm giác rất người: Bỗng nhiên hẳn thấy hẳn thương yêu gắn bó với cái nhà của hẳn lạ lùng. Hẳn đã có một gia đình. Hẳn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đây. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng... Bây giờ hẳn mới thấy hẳn nên người. Rồi thái độ xăm xăm chạy ra giữa sân, hẳn muốn làm một việc gì cũng thể hiện ý thức chăm lo cho cuộc sống gia đình, một thứ cảm xúc đầy mới mẻ mà hẳn tìm thấy được trong hoàn cảnh khốn cùng của cuộc đời. Cuối thiên truyện là hình ảnh *những người phá kho thóc Nhật* trong ý nghĩ của Tràng, cả hình ảnh *lá cờ đỏ* cùng hai tiếng *Việt Minh* cũng bám riết ý nghĩ Tràng. Không phải ngẫu nhiên mà tác giả lồng ghép hai hình ảnh trên vào. Bởi đó chính là hình ảnh của tương lai, của niềm tin và hi vọng. Nhân vật Tràng đã nghĩ tới tương lai, hướng tới một cuộc sống tích cực và tươi sáng. Đó là minh chứng cho tình yêu sự sống của những người dân cùng khổ trong nạn đói khủng khiếp nhất trong lịch sử dân tộc.

Không chỉ thể hiện đậm nét ở nhân vật Tràng, tư tưởng của truyện ngắn còn được phát biểu thông qua hình tượng nhân vật bà cụ Tứ. Đến khoảng giữa câu chuyện, bà cụ Tứ xuất hiện mang nhiều nét hài hước như hai vợ chồng Tràng. Con người già cả ấy đánh giá sự việc bằng kinh nghiệm và từng trải, lòng đầy ám ảnh của một quá vãng đắng cay và đau khổ: *Bà lão chỉ nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà lão nghĩ đến cuộc đời cực khổ dài dằng dặc của mình.* Thế nhưng thật cao cả, bà đã nén nỗi tủi cực, lo lắng để vui khi con trai có vợ, vẫn hi vọng vun đắp cho hạnh phúc của con. Đó không gì khác, chính là tư tưởng vươn đến sự sống của các tuyến nhân vật trong truyện.

Bà cụ Tứ ý thức rõ hơn ai hết cái nghịch đảo éo le của cuộc hôn nhân: *Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho chon là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn khát này không?* Thế nhưng bà đã xử sự thật chân tình và ân nghĩa, bà chấp nhận con dâu và mong cho con có một cuộc sống hạnh phúc. Bà nghĩ con mình có vợ cũng là một cơ may: *người ta có gặp bước khó khăn đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình... Thôi thì bốn phận bà là mẹ, bà đã chẳng lo lắng được gì cho con...*

Câu văn thật cảm động. Nó vừa noi nhói một tình cảm tủi hờn, ai oán cho số kiếp, vừa như cố nén cái cảm giác bất đắc dĩ trước một việc đã rồi, lại vừa rung rung xao xuyên một niềm vui.

Bà cụ Tứ, con người gần đất xa trời hóa ra lại là người nói đến hi vọng, đến ngày mai nhiều hơn cả: từ việc đan cái phen ngăn riêng chỗ của vợ chồng đưa con cho kín đáo, chuyện *khi nào có tiền ta mua lấy đôi gà* đến những ước mơ xa vời hơn mà cũng đốn đau hơn về một ngày *rồi ra may ông gởi cho khá...* Đặt những tin yêu hi vọng ấy vào một nhân vật *bà lão già*, nhà văn đã dụng công rất lớn. Bởi ý nghĩa sâu xa của nó chính là ở chỗ, nhân vật này không hề nghĩ cho bản thân mình, bà nghĩ cho con cái, tìm thấy đời mình trong sự chăm lo vun vén cho con, mơ ước cho con. Nhờ đó mà đến những năm tháng cuối cùng của đời bà, niềm hi vọng không bị tàn theo đói nghèo và tuổi tác.

Nhân vật vợ Tràng xuất hiện trong thiên truyện với một cá tính hết sức đặc biệt. Chân dung của chị ta dường như cũng là một bức ký họa khác của tự nhiên, với những đường nét thật tai hại cho người phụ nữ: cái ngực gầy lép, khuôn mặt lưỡi cày xám xịt, gầy rộc rách rưới, tả tơi... Đây chính là người đàn bà đã làm đảo lộn cuộc đời Tràng. Tưởng như việc chị ta đến với Tràng không thể đơn giản hơn: bốn bát bánh đúc ăn một chặp hết trong lúc đói và đôi ba câu chông lòn nghe ra chẳng lấy gì làm tinh tú: *Này nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về*. Là nói đùa đấy, thế mà người đàn bà ấy vội vã theo không cái anh Tràng tội ấy. Một mối nhân duyên được tạo dựng trong một cảnh tượng hết sức éo le: cái đói! Mỗi nhân duyên ấy khác nào một lời thách thức với thần chết, khác nào một sự vươn lên hết sức tự nhiên, như cỏ cây đang mọc lên từ những đồng cỏ nát đói khổ? Người phụ nữ ấy một lần nữa đã chứng minh cho chúng ta thấy tư tưởng của nhà văn Kim Lân: trong cảnh nghèo khổ như thế, chị vẫn nghĩ về cái sống. Theo không Tràng về làm vợ, chị ta đã nghĩ đến cái sống là trên hết: đi tìm sự sống, sự tồn tại để chống lại cái đói, cái chết, đồng thời cũng là đi tìm sự sống của hạnh phúc gia đình. Một bản năng rất người phụ nữ được bộc lộ qua một tâm hồn đang quằn quại trong đói khát.

Kim Lân thật đắt giá khi mô tả về người đàn bà này khi chưa về làm vợ Tràng cho đến khi là nàng dâu mới. Sự thay đổi hết sức tự nhiên ở chị giống như một phép màu kì diệu mà hạnh phúc đem đến cho mỗi con người khi họ được chạm vào nó. Cái người phụ nữ ban đầu Tràng gặp chắc khó có thể coi là một người đàn bà hiền thực: cong cớn và có cả phần trơ trên chồng lòn dường như đã trở thành một người đàn bà khác kể từ khi làm vợ. Có lẽ, quy luật của tự nhiên không bao giờ bỏ qua một ai, bởi bất cứ người đàn bà nào khi trở thành vợ đều có cái gì đó dễ thương đến ngỡ ngàng như thế. Trên con đường dẫn dài đặc giữa xóm ngụ cư, cái cô nàng cong cớn trơ trên hờn nào bỗng trở nên e dè ngượng ngập; và có khó chịu lắm trước sự tò mò trên cợt thì cũng chỉ dám càu nhàu trong miệng, khẽ đến mức anh chồng đi bên

cũng không nghe thấy. Đôi mắt tư lự khi bỡ ngỡ đặt chân trên con đường mới, cái dáng điệu khép nép ngồi móm ở mép giường, vẻ e lệ vùn vùn tà áo đã rách bươm và tiếng chào u lúng túng... Tất cả những cái đó chỉ làm cho người đàn bà gầy rạc, rách rưới kia bỗng nhiên có cảm giác của một nàng dâu. Đến chính Tràng cũng ngạc nhiên trước sự thay đổi của vợ mình: *Tràng nom thị hôm nay khác hẳn, rõ là người đàn bà hiền hậu đúng mực...* Sự thay đổi ấy của chị thể hiện một cái nhìn rất nhân đạo của nhà văn. Vừa đặt nhân vật của mình vào một cảnh huống éo le chua xót, ông lại tìm cho họ một con đường sống mới: không tránh được đói rách nhưng họ đã dần dần có được tình thân, tình thương với nhau, có được ý thức về bốn phận đối với những con người khác – những cái mà, như Kim Lân cho thấy, dù trong túng đói tột cùng thì vẫn cứ quý hơn bát cơm manh áo, vì chỉ có tình thương chứ không phải miếng ăn, mới có thể làm cho cái sinh vật khốn khổ ấy được sống như một con người.

Nhân vật vợ Tràng ở cuối thiên truyện cũng đã có những cảm nhận mới mẻ, tươi mới, mạnh bạo về cuộc sống. Chị đã nghe ra tiếng trống người ta phá kho thóc Nhật để chia cho người đói... Luồng gió mới đó đã thổi vào chị, thổi vào truyện ngấn những niềm hi vọng mới thật tốt đẹp.

Không chỉ có Tràng, vợ Tràng, bà cụ Tứ đang gờ tay ra đón ánh nắng mới mẻ của sự sống mà những người dân ở xóm ngụ cư trong thiên truyện của Kim Lân cũng khát khao một nguồn sống mới. Khi nhìn theo bóng Tràng và bóng người đàn bà lúi thủi đi về bên, *những khuôn mặt hóc hác u tối của họ bỗng dựng rạng rỡ hẳn lên. Có cái gì đó lạ lùng và tươi mát thổi vào cuộc sống đói khát, tăm tối ấy của họ...* Sự lạc quan của họ giống như một niềm tin tuy mỏng manh nhưng đầy hi vọng dành cho hạnh phúc của con người, họ tin rằng, hạnh phúc là thứ cứu rỗi những tâm hồn đang rã rã vì đói khát và cùng cực.

Một câu chuyện xúc động rung rung từ đầu đến cuối, mặc dù đã có những lúc ta thấy buồn cười, nhưng nụ cười ấy cũng ẩn chứa mối thương cảm sâu sắc. Truyện viết về cảnh đói nhưng hướng phát triển của truyện lại không đi theo hướng tối tăm của cái chết (mặc dù chết chóc là điều thật khó tránh khỏi). Truyện mở ra trong một buổi chiều chạng vạng mặt người và khép lại trong *ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng lóa*. Khi truyện bắt đầu, ta chỉ gặp một anh Tràng cô độc bước thấp bước cao trên con đường khăng khiu dưới ánh chiều mờ của một gầm trời đầy đói khát. Nhưng đến khi kết thúc, Tràng đã có một gia đình, mọi người đang xăm xắn quét tước, thu dọn nhà cửa cho quang quẻ và cố làm cho nhau vui trước một bữa cháo cám đắng chát. Nghệ thuật của nhà văn đã thể hiện ở lối sử dụng ngôn ngữ mộc mạc và hóm hỉnh. Nói về cái đói bằng ngôn ngữ như thế đã cho thấy niềm lạc quan đầy tình người của tác giả. Chính ngôn ngữ đặc sắc ấy đã góp phần đưa thiên truyện từ bóng đen đi ra phía ánh sáng và sự sống tươi đẹp.

Những người đói nhưng họ không nghĩ đến cái chết mà nghĩ đến sự sống
– Triết lý đẹp đẽ ấy đã lồng ghép và thể hiện trọn vẹn qua từng tuyến nhân vật, qua tình huống truyện đặc sắc và hệ thống ngôn ngữ của tác phẩm một cách nhuần nhuyễn và tài tình. Triết lý ấy không hề được phát biểu một cách khô khan, sáo rỗng mà nó tự nhiên, được người đọc nhận ra trong sự xúc động, cảm thông qua từng câu chữ. Tài năng ấy của tác giả đã khiến người đọc khâm phục và đồng cảm.

Vợ nhặt không phải là một câu chuyện cổ tích nhưng tư tưởng của nó giống như ý niệm tốt đẹp ngàn đời của cha ông ta: trong cái chết thường nảy sinh sự sống, trong cái khốn cùng của cuộc đời bỗng ngân lên những nốt nhạc trong trẻo đưa người ta ra khỏi khổ đau và tìm đến với hạnh phúc, tình người. Chúng ta có thể tin tưởng vào triết lý nhân sinh đó, khi nó được cất lên từ những năm đói khổ thì nó sẽ được nuôi giữ đến bất kì thời đại nào, bất kì hoàn cảnh nào. Con người, chính họ đã tạo ra sự sống trên trái đất này.